

Số: 29/QĐ-SKHĐT

Ninh Thuận, ngày 03 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 82/2023/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1754/TB-SKHĐT ngày 24/4/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo các phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định này: Biểu số 4

Thời gian công khai: 90 ngày, kể từ ngày niêm yết công khai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư, Giám đốc Văn phòng Phát triển Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Niem yết công khai;
- Trang thông tin của Sở KHĐT;
- Lưu: VT, KT, ĐTGS



GIÁM ĐỐC

Lê Kim Hoàng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Chương: 413



QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định 29 /QĐ-SKHĐT ngày 03/ 5 /2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	75.880.000	75.880.000	0	
<i>1</i>	<i>Lệ phí</i>	<i>27.200.000</i>	<i>27.200.000</i>	<i>0</i>	
1.1	Phí Đăng ký kinh doanh	27.200.000	27.200.000	0	
<i>1</i>	<i>Phí</i>	<i>48.680.000</i>	<i>48.680.000</i>	<i>0</i>	
1.1	Phí công bố thông tin doanh nghiệp	48.680.000	48.680.000	0	
1.2	Phí thẩm định dự án		0		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	0	
b	kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	27.200.000	27.200.000	0	
<i>1</i>	<i>Lệ phí</i>	<i>27.200.000</i>	<i>27.200.000</i>	<i>0</i>	
1.1	Lệ phí đăng ký kinh doanh	27.200.000	27.200.000	0	
<i>2</i>	<i>Phí</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
2.1	Phí thẩm định dự án		0	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.331.528.454	8.331.528.454	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.331.528.454	8.331.528.454	0	
1	Chi quản lý hành chính	8.331.528.454	8.331.528.454	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.079.300.275	6.079.300.275	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.252.228.179	2.252.228.179	0	